



rǎn rǎn
冉冉

adverb · slowly; gradually

Example Sentences

tài yáng rǎn rǎn shēng qǐ
太阳冉冉升起。

The sun rises slowly.

yān wù rǎn rǎn shàng shēng piāo xiàng tiān kōng
烟雾冉冉上升，飘向天空。

The smoke rises slowly and drifts toward the sky.

sù yuè rǎn rǎn zhuǎn yǎn jiān tā yǐ jīng bái fà cāng cāng
岁月冉冉，转眼间他已经白发苍苍。

Time passes gradually; in the blink of an eye, he already has gray hair.

Trace each character, then write the word on your own.

冉	冉	冉	冉	冉	冉	冉	冉								
冉	冉	冉	冉	冉	冉	冉	冉								